

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng; quy trình cấp giấy phép xây dựng; quy mô công trình tạm và thời hạn tồn tại của công trình theo giấy phép xây dựng tạm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và giám sát thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

1. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng sau:

a) Công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II;

- b) Công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng;
- c) Những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;
- d) Công trình thuộc dự án;
- đ) Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;
- e) Các công trình khác do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị (phường, thị trấn, đô thị loại V), bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được Nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các đối tượng đã được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân xã

Ủy ban nhân dân xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt (quy hoạch nông thôn mới) và tại những khu vực theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện khi xây dựng phải có giấy phép xây dựng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

Điều 3. Thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Công trình do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó có quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

Điều 4. Quy trình cấp giấy phép xây dựng

1. Quy trình cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng.

2. Đối với các công trình xin cấp giấy phép xây dựng thuộc đối tượng phải thẩm tra thiết kế theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, rà soát các điều kiện cấp giấy phép xây dựng, hướng dẫn chủ đầu tư gửi hồ sơ trình thẩm tra thiết kế đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình để thẩm tra thiết kế trước khi tiến hành cấp giấy phép xây dựng.

Điều 5. Cấp giấy phép xây dựng tạm

1. Quy mô xây dựng công trình tạm

Quy mô tối đa của công trình xin phép xây dựng tạm là cấp IV, nhà trệt, không có tầng hầm.

2. Thời hạn tồn tại của công trình theo giấy phép xây dựng tạm

a) Đối với các khu vực có quy hoạch chi tiết, quy hoạch xã nông thôn mới có thời hạn triển khai quy hoạch cụ thể thì thời hạn tồn tại của công trình xin phép xây dựng tạm không được quá thời hạn triển khai quy hoạch.

b) Đối với các khu vực có quy hoạch chi tiết, quy hoạch xã nông thôn mới chưa có thời hạn triển khai quy hoạch cụ thể thì thời hạn tồn tại của công trình tạm không quá 03 (ba) năm kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng tạm.

c) Trường hợp công trình theo giấy phép xây dựng tạm hết thời hạn tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì đề nghị với cơ quan cấp phép xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại (nhưng không quá 03 năm).

d) Trường hợp có thay đổi về quy hoạch, nếu công trình được cấp phép xây dựng tạm trước đây đủ điều kiện để cấp phép xây dựng theo quy định thì chủ đầu tư có thể gửi đơn đến cơ quan cấp phép để được cấp giấy phép xây dựng chính thức.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định thẩm quyền thẩm tra thiết kế, cấp giấy phép xây dựng, quy mô công trình tạm và thời hạn của giấy phép xây dựng tạm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Giám đốc Sở Xây dựng phối hợp các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

3. Các cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm lập và niêm yết công khai các thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: TH, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Nghiệp



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TUYẾN, TRỤC ĐƯỜNG PHÓ CHÍNH TẠI CÁC ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 24 /2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Tên đường | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---|
| I | Thành phố Sóc Trăng | |
| 1 | Quốc lộ 1A | Đoạn qua thành phố |
| 2 | Quốc lộ 60 | Đoạn qua thành phố |
| 3 | Đường Phú Lợi | Toàn tuyến |
| 4 | Đường Hùng Vương | Toàn tuyến |
| 5 | Đường Tôn Đức Thắng | Toàn tuyến |
| 6 | Đường Trần Hưng Đạo | Toàn tuyến |
| 7 | Đường Nguyễn Văn Linh | Toàn tuyến |
| 8 | Đường Lê Duẩn | Toàn tuyến |
| 9 | Đường Nguyễn Chí Thanh | Toàn tuyến |
| 10 | Đường Mạc Đĩnh Chi | Toàn tuyến |
| 11 | Đường 30/4 | Toàn tuyến |
| 12 | Đường Dương Minh Quan | Toàn tuyến |
| 13 | Đường Dương Kỳ Hiệp | Toàn tuyến |
| 14 | Đường Lê Hồng Phong | Toàn tuyến |
| 15 | Đường Phạm Hùng | Toàn tuyến |
| 16 | Đường Điện Biên Phủ | Toàn tuyến |
| 17 | Đường Lý Thường Kiệt | Toàn tuyến |
| 18 | Đường Bạch Đằng | Toàn tuyến |
| II | Thị xã Vĩnh Châu | |
| 1 | Quốc lộ Nam Sông Hậu | Đoạn qua thị xã |
| 2 | Tỉnh lộ 935 | Đoạn qua thị xã |
| III | Thị xã Ngã Năm | |
| 1 | Quản lộ Phụng Hiệp | Đoạn qua thị xã |
| 2 | Đường vào Bệnh viện và nội ô | Đoạn từ cầu Ngã Năm đến Bệnh viện Đa khoa Thị xã Đoạn từ Quản lộ Phụng Hiệp đến Trường Tiểu học Phường 1 |